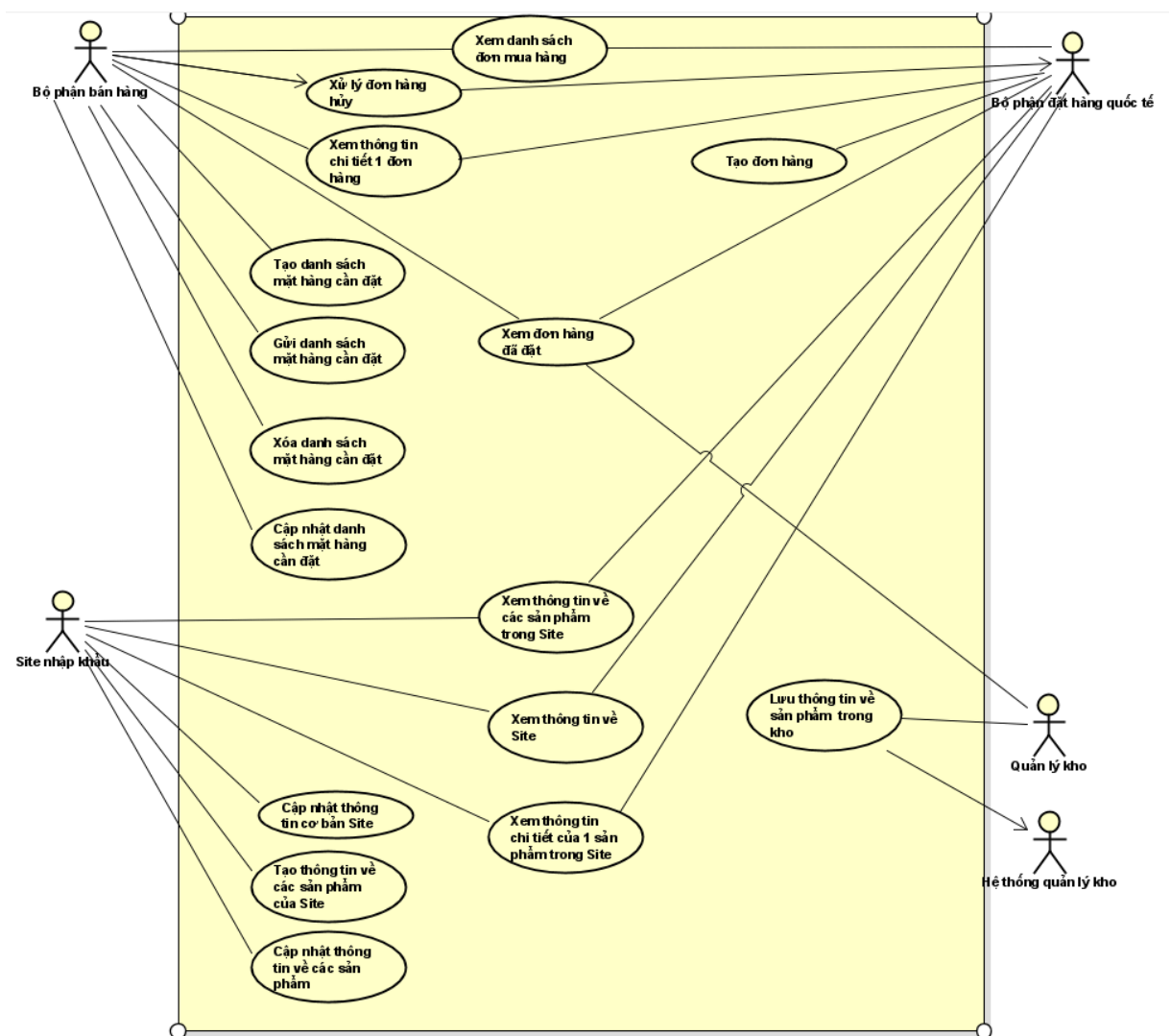


Nhóm [147730-08](#)

- Đặng Thái Tuấn - **Xử lý đơn hàng bị hủy**
- Lê Duy Nghiêm - **Tạo đơn đặt hàng**
- Trần Đăng Phúc - **Lưu thông tin vào kho**
- Bùi Mạnh Dũng - **Xem đơn hàng đã đặt**
- Vũ Thường Đạt - **Tạo thông tin về các sản phẩm của site**

## 1 Biểu đồ use case

### 1.1 Biểu đồ use case tổng quan



Giải thích về các tác nhân ...

Bộ phận bán hàng:

- Tạo đơn mua các sản phẩm cần đặt bằng cách nhập mã sản phẩm rồi tiến hành nhập các thông số liên quan và tạo đơn mua thành công
- Xem danh sách đơn mua. Đơn mua có 4 trạng thái: chờ xử lý (bộ phận đặt hàng quốc tế đang xử lý đơn hàng), bị hủy (không tìm thấy được nhà cung cấp phù hợp),

đang được thực hiện( chia thành các đơn đã đặt và đang tiến hành vận chuyển đến kho), đã hoàn thành ( các đơn hàng đã đến kho)

- Xem chi tiết các đơn hàng đã đặt ( những đơn hàng đã đặt thành công )
- Khi đơn hàng còn trong trạng thái xử lý thì có thể sửa hoặc xóa thông tin đơn hàng

Bộ phận đặt hàng:

- Xem danh đơn mua từ bộ phận kinh doanh
- Tạo đơn đặt hàng
- Xem đơn đặt hàng
- Xem thông tin về Site và các sản phẩm mà site cung cấp

Site:

- Cập nhật những thông tin cơ bản của site như số điện thoại, địa chỉ,....
- Tạo, sửa ,xóa các sản phẩm của site

Quản lý kho:

- Xem đơn hàng đã đặt
- Lưu thông vào hệ thống quản quản lý kho

Hệ thống quản lý kho:

- Tiếp nhận thông tin

## 2 Đặc tả Use case

### 2.1 Use case “Xử lý đơn hàng bị hủy”

Mã Use case	UC001	Tên Use case	Xử lý đơn hàng bị hủy
Tác nhân	Bộ phận đặt hàng quốc tế		
Tiền điều kiện	Đơn hàng đã được đặt và bị hủy vì lý do gì đó.		
Luồng sự kiện chính (Thành công)	STT	Thực hiện bởi	Hành động
	1.	Bộ phận bán hàng	Chọn chức năng xem đơn hàng bị hủy
	2.	Hệ thống	hiển thị giao diện các đơn hàng bị hủy
	3.	Bộ phận bán hàng	Chọn mã đơn hàng
	4.	Hệ thống	Hiển thị thị ra thông tin đơn hàng bị hủy (giao diện được mô tả ở dưới )
	5.	Bộ phận bán hàng	Xử lý đơn hàng bị hủy đó
	6.	Hệ thống	Thông báo thành công

<b>Lưuồng sự kiện thay thế</b>	<b>STT</b>	<b>Thực hiện bởi</b>	<b>Hành động</b>
	5a1.	Bộ phận bán hàng	Thay đổi site lấy hàng, chọn n site, mỗi site lấy hàng cho đủ đơn hàng bị hủy. (điều kiện để chọn site lấy hàng ở dưới)
	5a2.	Bộ phận bán hàng	Với n site đó tạo ra đơn hàng, gửi đến n site khác nhau
<b>Hậu điều kiện</b>	Không		

**Điều kiện chọn site:**

- + Không chọn site vừa báo hủy đơn hàng
- + Không chọn site không đúng với thời gian mà bên nhận cần gửi.

Ví dụ:

Hủy 1 đơn hàng trong đó có sản phẩm A có 50 cái và sản phẩm B có 30 cái do số lượng sản phẩm A không đủ. Ta phải chọn các site còn lại để cho đủ số lượng 50 sản phẩm A và 30 sản phẩm B. Cụ thể:

- Có thể chọn site C, sản phẩm A 20 cái. Chọn site D, sản phẩm A: 30 cái và sản phẩm B: 30 cái
- ...

## 2.2 Use case “Tạo đơn đặt hàng”

<b>Mã Use case</b>	UC101	<b>Tên Use case</b>	Tạo đơn đặt hàng
<b>Tác nhân</b>	Bộ phận đặt hàng quốc tế		
<b>Tiền điều kiện</b>	Tồn tại danh sách đơn mua hàng		
<b>Lưuồng sự kiện chính (Thành công)</b>	<b>STT</b>	<b>Thực hiện bởi</b>	<b>Hành động</b>
	1.	Bộ phận đặt hàng quốc tế	Chọn chức năng tạo đơn hàng
	2.	Hệ thống	Hiển thị các đơn mua có sẵn
	3.	Bộ phận đặt hàng quốc tế	Chọn đơn mua

	4.	Hệ thống	hiển thị danh sách các sản phẩm theo đơn mua
	5.	Bộ phận đặt hàng quốc tế	Chọn sản phẩm
	6.	Hệ thống	Hiển thị danh sách các site theo mức độ ưu tiên: Phương tiện, số lượng hàng
	7.	Bộ phận đặt hàng quốc tế	Chọn số lượng sản phẩm cần mua từ mỗi site
	8.	Hệ thống	Kiểm tra số lượng đặt mua mỗi site
	9.	Bộ phận đặt hàng quốc tế	Ấn nút gửi đơn hàng
<b>Luồng sự kiện thay thế</b>			
	<b>STT</b>	<b>Thực hiện bởi</b>	<b>Hành động</b>
	2a.	Hệ thống	thông báo lỗi: Không tồn tại đơn mua
	4a.	Hệ thống	thông báo lỗi: Đơn mua chứa sản phẩm không tồn tại trong các site
	8a.	Hệ thống	thông báo lỗi: số lượng sản phẩm vượt quá dự trữ site
	4c1 .	Bộ phận đặt hàng quốc tế	Chọn đổi đơn mua
<b>Hậu điều kiện</b>	4c2 .	Hệ thống	quay lại bước 2.
	Không		

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	Tên sản phẩm		Không		Táo
2.	Số lượng sản phẩm		Có	Chỉ được phép gồm kí tự số , không bao gồm dấu	2
3.	Mã đơn mua		Không	Không bao gồm ký tự đặc biệt	

2.3 Use case “Tạo thông tin về các sản phẩm của site”

Mã Use case	UC03	Tên Use case	Tạo thông tin các sản phẩm của site																											
Tác nhân	Site nhập khẩu																													
Tiền điều kiện	Không																													
Luồng sự kiện chính (Thành công)	<table><tr><th>STT</th><th>Thực hiện bởi</th><th>Hành động</th></tr><tr><td>1.</td><td>Site nhập khẩu</td><td>Chọn thêm sản phẩm</td></tr><tr><td>2.</td><td>Hệ thống</td><td>Hiển thị danh sách các sản phẩm có thể thêm</td></tr><tr><td>3.</td><td>Site nhập khẩu</td><td>Chọn các sản phẩm muốn thêm và ấn tiếp tục</td></tr><tr><td>4.</td><td>Hệ thống</td><td>Hiển thị danh sách chứa các sản phẩm muốn thêm và số lượng sản phẩm</td></tr><tr><td>5.</td><td>Site nhập khẩu</td><td>Cập nhật số lượng sản phẩm và ấn xác nhận</td></tr><tr><td>6.</td><td>Hệ thống</td><td>Kiểm tra số lượng có hợp lệ không</td></tr><tr><td>7.</td><td>Hệ thống</td><td>Cập nhập danh sách sản phẩm</td></tr><tr><td>8.</td><td>Hệ thống</td><td>Gửi thông báo thành công</td></tr></table>			STT	Thực hiện bởi	Hành động	1.	Site nhập khẩu	Chọn thêm sản phẩm	2.	Hệ thống	Hiển thị danh sách các sản phẩm có thể thêm	3.	Site nhập khẩu	Chọn các sản phẩm muốn thêm và ấn tiếp tục	4.	Hệ thống	Hiển thị danh sách chứa các sản phẩm muốn thêm và số lượng sản phẩm	5.	Site nhập khẩu	Cập nhật số lượng sản phẩm và ấn xác nhận	6.	Hệ thống	Kiểm tra số lượng có hợp lệ không	7.	Hệ thống	Cập nhập danh sách sản phẩm	8.	Hệ thống	Gửi thông báo thành công
STT	Thực hiện bởi	Hành động																												
1.	Site nhập khẩu	Chọn thêm sản phẩm																												
2.	Hệ thống	Hiển thị danh sách các sản phẩm có thể thêm																												
3.	Site nhập khẩu	Chọn các sản phẩm muốn thêm và ấn tiếp tục																												
4.	Hệ thống	Hiển thị danh sách chứa các sản phẩm muốn thêm và số lượng sản phẩm																												
5.	Site nhập khẩu	Cập nhật số lượng sản phẩm và ấn xác nhận																												
6.	Hệ thống	Kiểm tra số lượng có hợp lệ không																												
7.	Hệ thống	Cập nhập danh sách sản phẩm																												
8.	Hệ thống	Gửi thông báo thành công																												
Luồng sự kiện thay thế	<table><tr><th>STT</th><th>Thực hiện bởi</th><th>Hành động</th></tr><tr><td>5.a.</td><td>Site nhập khẩu</td><td>Chọn quay lại</td></tr></table>			STT	Thực hiện bởi	Hành động	5.a.	Site nhập khẩu	Chọn quay lại																					
STT	Thực hiện bởi	Hành động																												
5.a.	Site nhập khẩu	Chọn quay lại																												

	6.a	Hệ thống	Quay lại bước 3
	7.b	Hệ thống	Thông báo lỗi: số lượng không hợp lệ
	7.b	Hệ thống	Quay lại bước 5
Hậu điều kiện	Không		

Trường dữ liệu: Số lượng  
 Mô tả: Chứa số lượng sản phẩm và có giá trị mặc định bằng 0  
 Bắt buộc: Có  
 Điều kiện hợp lệ: Số nguyên  $\geq 0$

#### 2.4. Use case “Lưu thông tin vào kho”

Mã Use case	UC201	Tên Use case	Lưu thông tin vào kho																														
Tác nhân	Quản lý kho																																
Tiền điều kiện	Tồn tại các đơn hàng chuẩn bị đến kho và đã đến kho																																
Luồng sự kiện chính (Thành công)	<table><tr><th>STT</th><th>Thực hiện bởi</th><th>Hành động</th></tr><tr><td>1.</td><td>Quản lý kho</td><td>Chọn chức năng xem đơn hàng</td></tr><tr><td>2.</td><td>Hệ thống</td><td>Hiển thị danh sách bao gồm cả trạng thái đơn hàng và xếp ưu tiên các đơn hàng đã đến kho ở phía trên</td></tr><tr><td>3.</td><td>Quản lý kho</td><td>Ấn vào đơn hàng cần kiểm</td></tr><tr><td>4.</td><td>Hệ thống</td><td>Hiển thị giao diện để điền số lượng nhận được thực tế</td></tr><tr><td>5.</td><td>Quản lý kho</td><td>Nhập số lượng thực tế và ấn xác nhận</td></tr><tr><td>6.</td><td>Hệ thống</td><td>Cập nhật lại thông tin đơn hàng</td></tr><tr><td>7.</td><td>Hệ thống</td><td>Lưu thông tin vào hệ thống quản lý kho</td></tr><tr><td>8.</td><td>Hệ thống</td><td>Hiển thị thông báo thành công</td></tr><tr><td>9.</td><td>Quản lý kho</td><td>Ấn vào xuất file excel</td></tr></table>			STT	Thực hiện bởi	Hành động	1.	Quản lý kho	Chọn chức năng xem đơn hàng	2.	Hệ thống	Hiển thị danh sách bao gồm cả trạng thái đơn hàng và xếp ưu tiên các đơn hàng đã đến kho ở phía trên	3.	Quản lý kho	Ấn vào đơn hàng cần kiểm	4.	Hệ thống	Hiển thị giao diện để điền số lượng nhận được thực tế	5.	Quản lý kho	Nhập số lượng thực tế và ấn xác nhận	6.	Hệ thống	Cập nhật lại thông tin đơn hàng	7.	Hệ thống	Lưu thông tin vào hệ thống quản lý kho	8.	Hệ thống	Hiển thị thông báo thành công	9.	Quản lý kho	Ấn vào xuất file excel
	STT	Thực hiện bởi	Hành động																														
	1.	Quản lý kho	Chọn chức năng xem đơn hàng																														
	2.	Hệ thống	Hiển thị danh sách bao gồm cả trạng thái đơn hàng và xếp ưu tiên các đơn hàng đã đến kho ở phía trên																														
	3.	Quản lý kho	Ấn vào đơn hàng cần kiểm																														
	4.	Hệ thống	Hiển thị giao diện để điền số lượng nhận được thực tế																														
	5.	Quản lý kho	Nhập số lượng thực tế và ấn xác nhận																														
	6.	Hệ thống	Cập nhật lại thông tin đơn hàng																														
	7.	Hệ thống	Lưu thông tin vào hệ thống quản lý kho																														
	8.	Hệ thống	Hiển thị thông báo thành công																														
9.	Quản lý kho	Ấn vào xuất file excel																															

	10	Hệ thống	Xuất file file và hiển thị thông báo thành công
Luồng sự kiện thay thế	<b>STT</b>	<b>Thực hiện bởi</b>	<b>Hành động</b>
	6a.	Hệ thống	Nếu đơn hàng đủ : Cập nhật trạng thái đơn hàng đã hàng thành
	6.b	Hệ thống	Nếu đơn hàng thiếu: Gửi thông báo cho các bên và đưa đơn hàng vào trạng thái lưu kho
	8a.	Hệ thống	Thông báo lỗi: lưu không thành công
	10.a	Hệ thống	Thông báo lỗi: không thể xuất file excel
Hậu điều kiện	Không		

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	Mã sản phẩm		Không	Là mã sản phẩm đã được nhập trên hệ thống	PI2022
2.	Quantity ordered		Không	Chỉ được phép là số nguyên dương	2
3,	Quantity received		Có		
3.	Unit	đơn vị của sản phẩm như: thùng, gói, ....được hệ thống tự động điền khi đã nhập thành công mã sản phẩm	Không		thùng
4.	Ngày nhận		có	ngày nhận	10/11/2024

## 2.5 Use case “Xem đơn hàng đã đặt”

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	Tên sản phẩm		Có		Táo
2.	Số lượng sản phẩm		Có	Chỉ được phép gồm kí tự số	2
3.	Giá		Có	Chỉ được phép gồm kí tự số	1000000
4.	Đơn vị	Đơn vị của sản phẩm như: thùng, gói, ....			thùng
5.	Đơn vị tiền tệ	Là 1 dropdown có thể lựa chọn đơn vị tiền tệ, mặc định sẽ là “VNĐ”	Có		VNĐ
6.	Mã sản phẩm		Có		PI2022
7.	Ngày đặt đơn	Ngày lên đơn hàng	Có	Theo định dạng DD/MM/YY	13/03/2024
8.	Ngày nhận đơn	Ngày mong muốn nhận	Có	Theo định dạng DD/MM/YY bằng hoặc muốn hơn ngày đặt	18/03/2024
9.	Tình trạng	Tình trạng đơn hàng	Có		- Đơn hàng đi đến kho hai bà trung, chờ xử lý



Tác nhân	Hệ thống quản lý kho		
Tiền điều kiện	Tồn tại danh sách đơn mua hàng		
Luồng sự kiện chính (Thành công)			
	STT	Thực hiện bởi	Hành động
	1.	Hệ thống quản lý kho	Chọn xem đơn hàng
	2.	Hệ thống	Hiển thị các đơn mua có sẵn
	3.	Hệ thống quản lý kho	Tìm kiếm theo mã đơn hàng
	4.	Hệ thống	hiển thị danh sách các sản phẩm theo đơn hàng
	5.	Hệ thống quản lý kho	Lọc các đơn hàng theo yêu cầu: mã đơn, số lượng , thành tiền, .....
	6.	Hệ thống	Hiển thị danh sách theo các yêu cầu : mã đơn, số lượng

<b>Hậu điều kiện</b>	Không		
<b>Mã Use case</b>	UC05	<b>Tên Use case</b>	Xem đơn hàng đã đặt

## 1. Từ điển thuật ngữ

- Đơn mua: đơn hàng được gửi từ bên bộ phận bán hàng
- Đơn đã đặt : đơn mua nhưng đã được bộ phận đặt hàng xác định được các site cung cấp sản phẩm đạt yêu cầu và đặt hàng với các site đấy.

## 2. Đặc tả phụ trợ

### 4.1 Hiệu năng:

- Hệ thống có thể phản hồi có chức năng tìm kiếm site thích hợp 1 cách nhanh chóng

### 4.2 Độ tin cậy

- Khi Site cập nhật thông tin thì bộ phận bán hàng phải nhận được ngay lập tức để không làm ảnh hưởng đến kết quả khi thực hiện đặt hàng